pí fū

皮肤

Noun · skin

Example Sentences

wǒ de pí fū hěn bái
我的皮肤很白。

My skin is very fair.

tā de pí fū hěn bái yě hěn guāng huá
她的皮肤很白，也很 光 滑。

Her skin is very fair and also very smooth.

cháng shí jiān rì shài huì yán zhòng sǔn shāng pí fū zēng jiā zhòu wén fēng xiǎn
长 时间日晒会严 重 损 伤 皮肤， 增加皱 纹 风 险。

Prolonged sun exposure can seriously damage the skin and increase the risk of wrinkles.

Trace each character, then write the word on your own.

皮 皮 皮 皮 皮 皮 皮 皮

肤 肤 肤 肤 肤 肤 肤 肤 肤 肤 肤